ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đồng Nai, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở thực tiễn và yêu cầu hoàn thiện chính sách

Thành phố Đồng Nai được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội, trên cơ sở sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Sau khi sắp xếp, địa bàn thành phố có sự thay đổi về quy mô, phạm vi quản lý, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư và mạng lưới cơ sở giáo dục.

Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, trên địa bàn hai tỉnh đã ban hành và triển khai một số nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực giáo dục. Các chính sách này được xây dựng phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu phát triển giáo dục của từng địa phương tại thời điểm ban hành. Tuy nhiên, sau khi thành lập thành phố mới, việc tiếp tục thực hiện các chính sách riêng biệt có thể dẫn đến sự khác nhau về đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và phạm vi thụ hưởng giữa các khu vực trên cùng địa bàn thành phố.

Do đó, việc rà soát, kế thừa những chính sách còn phù hợp, đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thống nhất trên địa bàn thành phố là cần thiết, nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong quản lý nhà nước, tính công bằng trong tiếp cận các dịch vụ giáo dục và phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển giáo dục toàn diện

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục không chỉ tập trung vào việc thực hiện chương trình giáo dục mà còn đòi hỏi tăng cường các điều kiện bảo đảm, đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực và phẩm chất người học, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Thực tiễn tại các cơ sở giáo dục cho thấy cần có cơ chế hỗ trợ phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện, trong đó chú trọng bảo đảm dinh dưỡng học đường; phát triển các câu lạc bộ học tập, năng khiếu; tổ chức hoạt động giáo dục STEM/STEAM, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; tăng cường dạy và học tiếng Anh, dạy học các môn học bằng tiếng nước ngoài; đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy học môn Tin học; hỗ trợ triển khai phần mềm, nền tảng số và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên.

Bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên công tác tại các cơ sở giáo dục có điều kiện đi lại khó khăn; hỗ trợ công tác tổ chức, quản lý học sinh trong thời gian ăn trưa tại trường; hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn, tiền ở đối với học sinh, học viên thuộc các nhóm đối tượng chính sách; đồng thời tăng cường điều kiện cơ sở vật chất phục vụ việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ 06 tháng đến 18 tháng tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Việc ban hành Nghị quyết sẽ tạo cơ sở pháp lý để huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước có trọng tâm, trọng điểm, hỗ trợ các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục cho người học trên địa bàn thành phố.

3. Đặc điểm địa bàn và yêu cầu bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thành phố Đồng Nai có địa bàn rộng, điều kiện kinh tế - xã hội giữa các khu vực còn có sự khác biệt; một số địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới và khu vực có điều kiện đi lại khó khăn còn gặp nhiều hạn chế trong việc bảo đảm các điều kiện học tập, sinh hoạt và tổ chức hoạt động giáo dục.

Vì vậy, việc xây dựng các chính sách hỗ trợ cần tính đến đặc điểm địa bàn, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục và hoàn cảnh của người học; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không trùng lặp chính sách và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

4. Yêu cầu thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và bảo đảm công bằng trong giáo dục.

Trong đó, chú trọng triển khai các định hướng tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, Nghị quyết số 281/NQ-CP và Nghị quyết số 16-NQ/TW; đồng thời bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành về giáo dục, ngân sách nhà nước và chính sách hỗ trợ đối với người học.

Từ những lý do nêu trên, việc ban hành Nghị quyết là cần thiết, có cơ sở thực tiễn và đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển giáo dục trên địa bàn thành phố Đồng Nai trong giai đoạn hiện nay.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Việc xây dựng Nghị quyết được thực hiện trên cơ sở các quy định pháp luật và văn bản có liên quan, cụ thể:

Điểm c khoản 1 Điều 21 Luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành nghị quyết để quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điểm d khoản 1, điểm b khoản 3 và điểm a khoản 7 Điều 15 Luật số 72/2025/QH15, quy định các nội dung liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm các điều kiện thực hiện chính sách tại địa phương.

Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật số 89/2025/QH15 và Nghị định số 73/2026/NĐ-CP, là cơ sở pháp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước theo quy định.

Khoản 3 Điều 24 và khoản 3 Điều 25 Luật số 73/2025/QH15, quy định các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, thẩm quyền của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điểm c khoản 1 Điều 27 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16, làm cơ sở xem xét yêu cầu phát triển các điều kiện, dịch vụ xã hội và hạ tầng phục vụ người dân trên địa bàn đô thị, trong đó có các điều kiện bảo đảm phát triển giáo dục phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

Các quy định về chính sách hỗ trợ đối với người học tại Nghị định số 277/2025/NĐ-CP, Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và Nghị định số 339/2025/NĐ-CP; trong đó việc xây dựng chính sách của thành phố phải bảo đảm nguyên tắc kế thừa, bổ sung phù hợp, không thay thế hoặc làm giảm quyền lợi của đối tượng được hưởng chính sách theo quy định của Trung ương.

Nghị định số 222/2025/NĐ-CP, Quyết định số 2371/QĐ-TTg năm 2025 và Quyết định số 2732/QĐ-TTg năm 2025, là cơ sở để xây dựng các nội dung hỗ trợ dạy và học tiếng Anh, dạy học các môn học bằng tiếng nước ngoài phù hợp với định hướng, nhiệm vụ phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

Căn cứ các quy định nêu trên và yêu cầu thực tiễn của địa phương, Hội đồng nhân dân thành phố có thẩm quyền xem xét, ban hành Nghị quyết quy định

cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân thành phố giao, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức rà soát các quy định pháp luật hiện hành, các nghị quyết về chính sách hỗ trợ giáo dục đang được thực hiện trên địa bàn trước khi sắp xếp đơn vị hành chính; đánh giá tình hình triển khai, những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết theo hướng kế thừa các chính sách còn phù hợp, đồng thời đề xuất các chính sách mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy học và bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

Trong quá trình xây dựng dự thảo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, số liệu từ các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị có liên quan; rà soát đối tượng thụ hưởng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian thực hiện và nhu cầu kinh phí để làm cơ sở đề xuất chính sách.

Dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan đã được gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở giáo dục và các đối tượng chịu tác động trực tiếp; đồng thời thực hiện việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện việc phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết; chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đơn vị có liên quan.

Dự thảo Nghị quyết đã được gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Trên cơ sở báo cáo thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố.

IV. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết gồm 18 điều và 01 phụ lục, quy định các cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc thực hiện (Điều 1, Điều 2 và Điều 3)

Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ. Việc hỗ trợ phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch, không trùng lặp với chính sách hỗ trợ của Trung ương

và các chính sách khác đang được hưởng; đồng thời phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục.

2. Chính sách hỗ trợ bữa ăn học đường và nhân viên nấu ăn (Điều 4)

Hỗ trợ tiền ăn đối với trẻ em mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc đối tượng, điều kiện quy định; mức hỗ trợ 30.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ tối đa 09 tháng trong năm học.

Đồng thời, hỗ trợ kinh phí nhân viên nấu ăn tại các cơ sở giáo dục công lập theo định mức 4.700.000 đồng/tháng/45 trẻ em đối với cấp học mầm non và 2.400.000 đồng/tháng/45 học sinh đối với cấp tiểu học, nhằm góp phần bảo đảm điều kiện tổ chức bữa ăn học đường, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người học.

3. Chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục toàn diện (Điều 5)

Hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động câu lạc bộ tại các cơ sở giáo dục với mức 30.000.000 đồng/câu lạc bộ/năm học, tối đa 05 câu lạc bộ/cơ sở giáo dục.

Hỗ trợ một lần kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục STEM/STEAM, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI), với mức tối đa 100.000.000 đồng/cơ sở giáo dục cấp trung học và giáo dục thường xuyên, 70.000.000 đồng/cơ sở giáo dục cấp tiểu học; số lượng hỗ trợ tối đa 100 cơ sở giáo dục/năm.

4. Chính sách hỗ trợ dạy học tiếng Anh (Điều 6)

Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư phòng học tiếng Anh (English LAB) và học liệu phục vụ dạy học tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ tối đa 400.000.000 đồng/cơ sở giáo dục cấp trung học và giáo dục thường xuyên, 300.000.000 đồng/cơ sở giáo dục cấp tiểu học; số lượng hỗ trợ tối đa 100 cơ sở giáo dục.

Chính sách nhằm tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển năng lực ngoại ngữ cho người học.

5. Chính sách hỗ trợ dạy học các môn học bằng tiếng nước ngoài (Điều 7)

Hỗ trợ kinh phí tổ chức dạy học các môn học bằng tiếng nước ngoài theo định mức tối đa 120.000 đồng/tiết đối với cấp trung học và giáo dục thường xuyên, tối đa 100.000 đồng/tiết đối với cấp tiểu học; quy định giới hạn số lượng giáo viên, số tiết được hỗ trợ trong tháng và thời gian hỗ trợ trong năm học.

Đồng thời, hỗ trợ một lần kinh phí bồi dưỡng tiếng Anh cho giáo viên từ trình độ B1 để đáp ứng yêu cầu dạy học các môn học bằng tiếng Anh, mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/giáo viên, tối đa 3.000 giáo viên.

6. Chính sách hỗ trợ đi lại đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên (Điều 8)

Hỗ trợ kinh phí đi lại hằng tháng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên thuộc đối tượng quy định, có nơi ở thường trú cách địa điểm làm việc

từ 20 km trở lên. Mức hỗ trợ được xác định theo khoảng cách từ nơi ở thường trú đến nơi làm việc, từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/người/tháng.

Chính sách nhằm hỗ trợ một phần chi phí đi lại, góp phần ổn định đội ngũ, bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở giáo dục có địa bàn xa nơi cư trú.

7. Chính sách hỗ trợ công tác quản lý học sinh trong thời gian ăn trưa tại trường (Điều 9)

Hỗ trợ cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp tham gia quản lý, chăm sóc học sinh trong thời gian ăn trưa tại trường; mức hỗ trợ 200.000 đồng/buổi đối với cán bộ quản lý và 50.000 đồng/buổi/lớp đối với giáo viên. Thời gian hỗ trợ tối đa 09 tháng/năm học, không quá 25 ngày/tháng.

Chính sách góp phần bảo đảm nhân lực tổ chức, quản lý, chăm sóc học sinh trong thời gian bán trú, nâng cao chất lượng quản lý và bảo đảm an toàn cho học sinh tại cơ sở giáo dục.

8. Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, học sinh và học viên (Điều 10)

Quy định hỗ trợ chi phí học tập mức 150.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 09 tháng/năm học đối với đối tượng đủ điều kiện; hỗ trợ bổ sung 100.000 đồng/người/tháng đối với học sinh thuộc hộ nghèo đã được hưởng chính sách theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

Đồng thời, hỗ trợ tiền ở mức 400.000 đồng/người/tháng, tối đa 09 tháng/năm học đối với trẻ em, học sinh và học viên đáp ứng điều kiện về khoảng cách từ nơi cư trú đến cơ sở giáo dục và các điều kiện khác theo quy định tại dự thảo Nghị quyết.

9. Chính sách hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ chăm sóc trẻ từ 06 tháng đến 18 tháng tuổi (Điều 11)

Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập có tổ chức nhóm trẻ từ 06 tháng đến 18 tháng tuổi; mức hỗ trợ tối đa 300.000.000 đồng/cơ sở giáo dục.

Việc hỗ trợ thực hiện theo nguyên tắc tối đa 01 cơ sở giáo dục tại mỗi xã, phường trong một năm học, nhằm tăng cường điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ, đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của người dân và điều kiện thực tế của địa phương.

10. Chính sách hỗ trợ phần mềm, nền tảng số phục vụ quản lý và hoạt động giáo dục (Điều 12)

Hỗ trợ kinh phí sử dụng phần mềm, nền tảng số tại các cơ sở giáo dục công lập, mức tối đa 35.000.000 đồng/cơ sở giáo dục/năm, số lượng hỗ trợ tối đa 160 cơ sở giáo dục/năm.

Việc triển khai phải bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng, khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm quyền quản lý, khai thác dữ liệu của cơ quan nhà nước và cơ sở giáo dục theo quy định. Khuyến khích

Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức mua sắm tập trung để bảo đảm tính đồng bộ, tiết kiệm và hiệu quả.

11. Chính sách hỗ trợ hoạt động của Hội đồng chuyên môn giáo viên cốt cán (Điều 13)

Hỗ trợ kinh phí đối với thành viên Hội đồng chuyên môn giáo viên cốt cán tham gia các phiên làm việc, hoạt động chuyên môn và xây dựng sản phẩm chuyên môn theo nhiệm vụ được giao; mức hỗ trợ 400.000 đồng/người/phiên, tối đa 12 phiên/năm; mức hỗ trợ sản phẩm tối đa 3.000.000 đồng/sản phẩm, không quá 05 sản phẩm/người/năm.

Việc hỗ trợ phải căn cứ vào nhiệm vụ, sản phẩm và kết quả thực hiện thực tế; không hỗ trợ đối với các cuộc họp mang tính chất hành chính, đồng thời không thanh toán trùng lặp với các chế độ, chính sách khác.

12. Chính sách hỗ trợ trang thiết bị dạy học môn Tin học (Điều 14)

Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư phòng máy tính và trang thiết bị phục vụ dạy học môn Tin học tại các cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ tối đa 600.000.000 đồng/cơ sở giáo dục cấp trung học và giáo dục thường xuyên, 500.000.000 đồng/cơ sở giáo dục cấp tiểu học; số lượng hỗ trợ tối đa 100 cơ sở giáo dục/năm.

Chính sách nhằm tăng cường điều kiện dạy học môn Tin học, phát triển năng lực số cho học sinh, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông và chuyển đổi số trong giáo dục.

13. Thời gian thực hiện và phương thức chi trả chính sách (Điều 15)

Các chính sách được thực hiện trong giai đoạn từ năm học 2026-2027 đến hết năm học 2030-2031, trừ các nội dung có quy định thời điểm áp dụng riêng.

Riêng chính sách hỗ trợ trang thiết bị dạy học môn Tin học quy định tại Điều 14 được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2027; trong năm học 2026-2027, thời gian thực hiện tối đa 05 tháng, từ tháng 01 đến hết tháng 5 năm 2027.

Việc chi trả, thanh toán kinh phí thực hiện theo quy định, tối đa 02 lần/năm; bảo đảm hồ sơ, chứng từ, dữ liệu đối tượng thụ hưởng được rà soát, xác minh và đối chiếu trước khi thực hiện.

14. Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 16)

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Dự toán kinh phí được xác định trên cơ sở số lượng đối tượng, định mức, mức hỗ trợ, thời gian thực hiện và khả năng cân đối ngân sách của thành phố. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng và đúng quy định.

Các số liệu tại Phụ lục dự toán kinh phí kèm theo dự thảo Nghị quyết là cơ sở phục vụ việc đánh giá nhu cầu nguồn lực; tiếp tục được rà soát, đối chiếu và

hoàn thiện trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, bảo đảm thống nhất với từng chính sách, định mức và thời gian thực hiện.

15. Tổ chức thực hiện (Điều 17)

Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ sở giáo dục trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết; bảo đảm việc hướng dẫn, phân bổ kinh phí, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp, báo cáo kết quả theo quy định.

16. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp (Điều 18)

Quy định thời điểm có hiệu lực thi hành, việc tiếp tục thực hiện và chấm dứt hiệu lực đối với các nghị quyết về chính sách hỗ trợ giáo dục đã được ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính; bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện chính sách và quyền lợi hợp pháp của đối tượng thụ hưởng trong thời gian chuyển tiếp.

Theo đó, các nghị quyết có liên quan tiếp tục được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2027 và chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2027 theo quy định tại dự thảo. Việc quyết toán kinh phí thực hiện năm học 2030-2031 hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2031.

17. Phụ lục dự toán kinh phí thực hiện

Dự thảo Nghị quyết kèm theo 01 phụ lục tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách. Việc xác định kinh phí được xây dựng trên cơ sở quy mô đối tượng, số lượng cơ sở giáo dục dự kiến được hỗ trợ, mức hỗ trợ và thời gian thực hiện của từng chính sách.

Do các chính sách có tính chất chi khác nhau, bao gồm hỗ trợ thường xuyên theo tháng, theo năm học, hỗ trợ theo tiết dạy, hỗ trợ theo phiên làm việc và hỗ trợ đầu tư một lần, tổng hợp kinh phí cần được phân loại theo từng năm ngân sách và từng giai đoạn thực hiện. Ủy ban nhân dân thành phố sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, đối chiếu và hoàn thiện số liệu phụ lục, bảo đảm tính chính xác, thống nhất giữa nội dung chính sách và nhu cầu kinh phí trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét.

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Nguồn lực thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bảo đảm từ ngân sách thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035 theo Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội (nếu đáp ứng điều kiện, nội dung chi và được cấp có thẩm quyền giao); cùng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc bố trí kinh phí thực hiện được căn cứ vào nhu cầu thực tế, số lượng đối tượng thụ hưởng, định mức và mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết, đồng thời phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố trong từng năm.

2. Nguyên tắc bảo đảm nguồn lực và quản lý kinh phí

Việc xây dựng dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục tiêu chính sách.

Đối với các đối tượng đồng thời thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương và chính sách của thành phố, việc thực hiện phải tuân thủ nguyên tắc không trùng lặp nội dung hỗ trợ; trường hợp dự thảo quy định hỗ trợ bổ sung thì thực hiện theo đúng đối tượng, điều kiện và mức hỗ trợ cụ thể.

3. Đánh giá tác động của chính sách

Việc ban hành Nghị quyết dự kiến mang lại những tác động tích cực sau:

Đối với người học và gia đình: góp phần giảm bớt chi phí học tập, ăn ở; cải thiện điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng; tăng cơ hội tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện và tiếp cận các điều kiện học tập hiện đại.

Đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên: hỗ trợ một phần chi phí đi lại, tạo điều kiện tham gia công tác chuyên môn, bồi dưỡng năng lực và thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở giáo dục.

Đối với cơ sở giáo dục: tăng cường nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm và nền tảng số; nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học và quản trị nhà trường.

Đối với ngân sách nhà nước: phát sinh nhu cầu bố trí kinh phí thực hiện các chính sách theo lộ trình; do đó, cần xác định rõ đối tượng, định mức, thời gian hỗ trợ, thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối ngân sách trong từng năm, bảo đảm sử dụng nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm.

Báo cáo đánh giá tác động chính sách và phụ lục dự toán kinh phí được gửi kèm theo Tờ trình để làm cơ sở xem xét, quyết định.

VI. HỒ SƠ GỬI KÈM

Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân thành phố gồm:

1. Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Phụ lục dự toán kinh phí thực hiện các chính sách.

4. Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

5. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng chịu tác động.

6. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và văn bản tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

7. Các tài liệu có liên quan khác theo quy định.

Trên đây là Tờ trình về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục, phát triển giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên

địa bàn thành phố Đồng Nai. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND thành phố;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH